UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG QUANG TRUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 39/TB-UBND	*Phường Quang Trung, ngày 10 tháng 7 năm 2023*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai công khai thu, chi ngân sách phường Quang Trung quý II và 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND Phường Quang Trung Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai

- Cân đối thu chi ngân sách phường quý II và 6 tháng đầu năm 2023 (Biểu số 113)
- Ước thực hiện thu ngân sách phường quý II và 6 tháng đầu năm 2023 (Biểu số 114)
- Ước thực hiện chi ngân sách phường quý II và 6 tháng đầu năm 2023 (Biểu số 115)

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của phường;

3. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày 10/7/2023 đến hết ngày 09/08/2023.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về văn phòng UBND phường Quang Trung

Vậy UBND phường Quang Trung thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách phường quý II và 6 tháng đầu năm 2023 theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:** - Phòng TC-KH thành phố TN; - TT Đảng ủy, HĐND phường; - Lãnh đạo UBND phường; - MTTQ và các tổ chức chính trị phường; - Trụ sở UBND phường; - Tổ trưởng các TDP phường; - Lưu: VT, KT.	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Lê Thị Hồng Liên**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUANG TRUNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường Quang Trung, ngày 10 tháng 7 năm 2023

THUYẾT MINH
Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Phường Quang Trung 6 tháng năm 2023

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của HĐND Phường Quang Trung về việc phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách năm 2023.

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường 6 tháng năm 2023 như sau:

1. Thu ngân sách 6 tháng năm 2023:

Thu ngân sách phường 6 tháng đạt 4.182 triệu đồng /7.211 triệu đồng = 49,29% dự toán

2. Chi ngân sách 6 tháng năm 2023:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 3.067 /7.211 triệu đồng = 42,54% dự toán.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản: không có dự án

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân 6 tháng năm 2023:

- Thu ngân sách 6 tháng: Các khoản thu tốt đạt kết quả cao thuế đất phi nông nghiệp 6 tháng đạt 97,38% dự toán; thuế GTGT, Thuế TNCN hộ KD đạt trên 60% dự toán dự toán. Các khoản thu đạt thấp Thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản, lệ phí trước bạ đạt bình quân: 33,37% dự toán do thị trường bất động sản chầm lắng.

- Chi ngân sách: đảm bảo cân đối ngân sách, đáp ứng nhu cầu chi thanh toán các chế độ chính sách về tiền lương, PC, BHXH và các hoạt động khác của UBND theo tiến độ dự toán được duyệt, không có tình trạng nợ đọng các khoản phải thanh toán

KẾ TOÁN	CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Việt Nga	Lê Thị Hồng Liên

UBND Phường Quang Trung
Mã QHNS: 1032050

Biểu số 113/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	**Tổng số thu**	**7.211.608.000**	**4.182.240.511**	**57,99**
1.	**Các khoản thu 100%**	**129.000.000**	**46.123.000**	**35,75**
2.	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**1.633.600.000**	**838.994.175**	**51,36**
3.	**Thu chuyển nguồn**	**497.728.000**	**668.275.336**	**134,27**
4.	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.951.280.000**	**2.628.848.000**	**53,09**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.951.280.000	2.551.280.000	51,53
II.	**Tổng số chi**	**7.211.608.000**	**3.067.474.821**	**42,54**
	- Bổ sung có mục tiêu		77.568.000	
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	6.581.023.000	3.067.474.821	46,61
3.	Dự phòng	132.857.000		
4	Chi chuyển nguồn	497.728.000		

Ngày 10 tháng 7 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Nguyễn Việt Nga

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Hồng Liên

UBND Phường Quang Trung
Mã QHNS: 1032050

Biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện quý, 6 tháng, năm		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**21.128.008.000**	**7.211.608.000**	**10.413.556.513**	**4.182.240.511**	**49,29**	**57,99**
I. Các khoản thu 100%	**129.000.000**	**129.000.000**	**46.123.000**	**46.123.000**	**35,75**	**35,75**
- Phí, lệ phí	108.000.000	108.000.000	39.321.000	39.321.000	36,41	36,41
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	21.000.000	21.000.000	6.802.000	6.802.000	32,39	32,39
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**15.550.000.000**	**1.633.600.000**	**7.070.310.177**	**838.994.175**	**45,47**	**51,36**
1. Các khoản thu phân chia	2.784.000.000	566.400.000	1.768.771.360	463.257.498	63,53	81,79
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	600.000.000	60.000.000	584.283.258	58.428.680	97,38	97,38
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	320.000.000	320.000.000	318.200.000	318.200.000	99,44	99,44
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.864.000.000	186.400.000	866.288.102	86.628.818	46,47	46,47
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12.766.000.000	1.067.200.000	5.301.538.817	375.736.677	41,53	35,21
- Thuế giá trị gia tăng	4.029.000.000	402.900.000	2.567.542.983	246.484.322	63,73	61,18
- Thuế TNCN từ chuyển nhượng đất	6.643.000.000	664.300.000	1.346.378.504	129.252.355	20,27	19,46
- Thuế TNCN hộ kinh doanh	2.094.000.000		1.314.332.764		62,77	

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện quý, 6 tháng, năm		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
- Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế			73.284.566			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	**497.728.000**	**497.728.000**	**668.275.336**	**668.275.336**	**134,27**	**134,27**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**4.951.280.000**	**4.951.280.000**	**2.628.848.000**	**2.628.848.000**	**53,09**	**53,09**
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.951.280.000	4.951.280.000	2.551.280.000	2.551.280.000	51,53	51,53
- Bổ sung có mục tiêu			77.568.000	77.568.000		

Ngày 10 tháng 7 năm 2023

UBND Phường Quang Trung
Mã QHNS: 1032050

Biểu số 115/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện quý, 6 tháng, năm			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	**7.211.608.000**		**7.211.608.000**	**3.067.474.821**		**3.067.474.821**	**42,54**		**42,54**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.177.051.600		1.177.051.600	689.113.642		689.113.642	58,55		58,55
- Chi dân quân tự vệ	589.610.000		589.610.000	395.038.042		395.038.042	67		67
- Chi trật tự an toàn xã hội	587.441.600		587.441.600	294.075.600		294.075.600	50,06		50,06
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	209.000.000		209.000.000	58.284.000		58.284.000	27,89		27,89
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	9.500.000		9.500.000	38		38
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.035.262.200		5.035.262.200	2.271.471.579		2.271.471.579	45,11		45,11
Trong đó: Quỹ lương				2.290.490.495		2.290.490.495			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.714.218.400		2.714.218.400	1.158.856.100		1.158.856.100	42,7		42,7
10.2. Hội đồng nhân dân	371.353.600		371.353.600	147.613.964		147.613.964	39,75		39,75
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	882.774.000		882.774.000	432.441.437		432.441.437	48,99		48,99
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	359.563.000		359.563.000	166.068.102		166.068.102	46,19		46,19
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	125.796.000		125.796.000	60.550.358		60.550.358	48,13		48,13
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	105.828.000		105.828.000	47.409.714		47.409.714	44,8		44,8
10.7. Hội Cựu chiến binh	126.559.000		126.559.000	31.029.600		31.029.600	24,52		24,52

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện quý, 6 tháng, năm			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	32.720.400		32.720.400	16.360.200		16.360.200	50		50
10.10. Hội Người cao tuổi	109.540.800		109.540.800	94.644.900		94.644.900	86,4		86,4
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50		50
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	48.276.000		48.276.000	24.138.000		24.138.000	50		50
11. Chi cho công tác xã hội	134.709.200		134.709.200	39.105.600		39.105.600	29,03		29,03
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	55.297.200		55.297.200	25.248.600		25.248.600	45,66		45,66
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác	79.412.000		79.412.000	13.857.000		13.857.000	17,45		17,45
12. Chi khác									
13. Dự phòng	132.857.000		132.857.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	497.728.000		497.728.000						

Ngày 10 tháng 7 năm 2023